



2024

**TUYỂN TẬP BÁO CÁO  
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA**

**KHOA HỌC XÃ HỘI  
VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

**NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**HÀ NỘI - 2024**

## **NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Địa chỉ: Số 8 phố Tăng Bạt Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng,  
thành phố Hà Nội

ĐT: 024.39423346 - 024.39424620 \* Fax: 024.38224784

Website: [www.nxbgtvt.vn](http://www.nxbgtvt.vn) \* Email: [nxbgtvt@fpt.vn](mailto:nxbgtvt@fpt.vn)

### **CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, NỘI DUNG:**

**GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP:** Nguyễn Minh Nhật

**BIÊN TẬP:** Dương Hồng Hạnh

**THIẾT KẾ :** Phương Linh

---

In 80 cuốn khổ 20,5 x 29,5cm tại Công ty cổ phần In HD Nhân.

Địa chỉ: Số 1 - Ngõ 82-18 đường Kim Hoàng - Văn Canh - Hoài Đức - Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4044-2024/CXBIPH/1-88/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-3027-1.

Quyết định xuất bản số: 73 NB/QĐ-XBGT ngày 29 tháng 10 năm 2024.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.

## LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển bền vững là một xu thế tất yếu, là mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc và là Kế hoạch hành động quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn tới. Việc phổ biến rộng rãi nhận thức về phát triển bền vững, cung cấp những luận cứ khoa học, chủ trương, chính sách, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, các kế hoạch và sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển bền vững là đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Trong bối cảnh này, Khoa học Xã hội có một vai trò tất yếu trong toàn bộ tiến trình phát triển bền vững. Ngoài các định hướng chuyên sâu, Khoa học Xã hội còn có sự phát triển mới mang tính liên ngành và ngày càng gắn bó mật thiết với các ngành khoa học khác để tạo ra cơ sở khoa học tổng hợp và đồng bộ cho việc xây dựng các chiến lược, kế hoạch và giải pháp phát triển bền vững. Nắm bắt xu thế đó, từ năm 2020 Trường Đại học Mở - Địa chất đã coi hoạt động nghiên cứu của Khoa học Xã hội gắn với phát triển bền vững thành nhiệm vụ thường xuyên, trong đó các hội thảo chuyên đề về chủ đề này đã được Nhà trường chủ trì tổ chức, thu hút được sự quan tâm của đông đảo các nhà chuyên môn và nhanh chóng trở thành một hội thảo khoa học cấp quốc gia với tiêu đề “Khoa học xã hội với phát triển bền vững”. Tiếp nối thành công của Hội thảo khoa học quốc gia “Khoa học xã hội với phát triển bền vững” năm 2022 (SSSD 2022), năm 2024, Trường Đại học Mở - Địa chất tiếp tục phối hợp với Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Giao thông Vận tải và Trường Đại học Thủy lợi cùng nhiều đơn vị tham gia khác tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học Xã hội với phát triển bền vững” lần thứ 2 (SSSD 2024)**.

Hội thảo nhằm tạo ra một môi trường bổ ích kết nối các nhà khoa học, các chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong và ngoài nước nhằm tăng cường trao đổi tri thức về lý luận và thực tiễn, các kết quả nghiên cứu, nhận dạng xu thế và thách thức mới đối với nghiên cứu và đào tạo khoa học xã hội gắn với sự phát triển bền vững. Đây cũng là dịp để các nhà chuyên môn kết nối, hợp tác trong việc định hướng các chủ đề, đề xuất, xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học mới đáp ứng được các yêu cầu phát triển xã hội và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình chuẩn bị Hội thảo, Ban Tổ chức đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các nhà khoa học và chuyên gia đến từ 26 cơ sở giáo dục trên toàn quốc. Hơn 80 dự thảo báo cáo toàn văn của hơn 90 tác giả đã được gửi đến, trong đó 66 báo cáo đã được Hội đồng biên tập lựa chọn để đăng tải trong Tuyển tập Báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học Xã hội với phát triển bền vững” (SSSD 2024)**. Để thuận lợi cho việc tham khảo và tra cứu, Tuyển tập Báo cáo này được tổ chức thành 4 phần, trong đó:

- Phần 1: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững
- Phần 2: Kinh tế, môi trường với phát triển bền vững
- Phần 3: Văn hóa, xã hội với phát triển bền vững
- Phần 4: Giáo dục, đào tạo với phát triển bền vững

Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia và giảng viên đã quan tâm, gửi báo cáo và đăng ký tham gia Hội thảo. Trân trọng cảm ơn Ban Khoa học, Ban Biên tập và các nhà khoa học phản biện đã rất nỗ lực trong việc đọc, góp ý, lựa chọn và biên tập các báo cáo để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và góp phần vào thành công của Hội thảo này.

**TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC**

**GS.TS. Trần Thanh Hải**

## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	5
<b>PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	15
1. QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ SỰ HÀI HÒA GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
<i>Ngô Văn Hương.</i>	17
2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Nguyễn Thế Tấn</i>	24
3. NHẬT BẢN VÀ TRUNG QUỐC TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: HƯỚNG ĐI CHO VIỆT NAM	
<i>Trịnh Huy Hồng, Phan Yến Trang</i>	35
4. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM	
<i>Nguyễn Thị Thúy Hà</i>	48
5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA VIỆT NAM THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỪ MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA HÀN QUỐC	
<i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i>	56
6. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ QUY LUẬT MÂU THUẤN	
<i>Đặng Thị Minh Phương</i>	65
7. QUAN ĐIỂM CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI VIỆC HÌNH THÀNH TƯ DUY XANH TRONG PHÁT TRIỂN NGÀY NAY	
<i>Đào Thu Hiền</i>	75
8. VỀ SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	
<i>Đỗ Thị Vân Hà</i>	82

9. NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT VỀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN

*Trần Thị Phúc An* 90

**PHẦN II: KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** 100

10. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG ESG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Hoàng Thị Thủy* 101

11. BẢO ĐẢM AN NINH LƯƠNG THỰC: NHỮNG THÁCH THỨC ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Nguyễn Trung Hiếu* 109

12. BÀN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Trần Thị Lan Hương* 119

13. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH BIỂN Ở CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN TRUNG CỦA VIỆT NAM

*Dương Thị Tuyết Nhung* 127

14. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ VÙNG TÂY BẮC

*Nguyễn Thị Thu Hương* 136

15. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TỈNH VĨNH PHÚC

*Nguyễn Thị Kim Chung* 145

16. BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

*Trần Thị Lan Hương* 153

17. XU HƯỚNG THAM GIA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

*Phí Mạnh Phong.* 161

18. THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYÊN ĐỔI SỐ

*Đỗ Đức Ánh; Lê Minh Thống; Nguyễn Thanh Thủy* 168

19. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP TRONG BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

*Nguyễn Thị Ngọc Anh* 177

20. XU HƯỚNG NGHÈO CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM: BẰNG CHỨNG TỪ KHẢO SÁT QUỐC GIA

*Phí Mạnh Phong* 184

21. VAI TRÒ CỦA NGUỒN NHÂN LỰC AN TOÀN THÔNG TIN TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Hoàng Thị Giang* 192

22. NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Vũ Công Thương, Trần Thị Thủy* 204

23. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN, DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI DÂN TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*Nguyễn Thị Nguyệt* 214

24. NHU CẦU TỐI THIỂU VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG

*Lê Quốc Hiệp* 222

25. TÍNH TẤT YẾU VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Nguyễn Thị Nga* 231

26. QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN CHỨC NĂNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

*Ngô Văn Dương* 241

**PHẦN III: VĂN HÓA, XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** 251

27. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*Lã Quý Đô* 253

28. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*Ngô Văn Hưởng* 262

29. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẠM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

*Trần Thị Mai Thanh* 271

30. GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Phạm Thị Thương* 280

31. SỨC MẠNH MỀM BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ VĂN HÓA

*Nguyễn Tuấn Dũng* 288

32. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TỈNH AN GIANG (Qua nghiên cứu tám Bảo vật Quốc gia)

*Đào Vĩnh Hợp* 295

33. BẢO TỒN GIÁ TRỊ LỄ CẤP SẮC CỦA NGƯỜI DAO THANH Y TẠI XÃ THƯỢNG YÊN CÔNG, THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

*Nguyễn Thu Thủy* 306

34. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÙNG TÂY BẮC HIỆN NAY

*Trần Thị Phương Nga* 314

35. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Cao Xuân Sáng* 323

36. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NGUỒN LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

*Bùi Thị Thùy Dương* 333

37. TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Trịnh Thị Thu Hằng* 344



38. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ  
VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
*Định Thị Thúy Hương, Đào Ngọc Anh* 354
39. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT  
NAM HIỆN NAY: NHỮNG THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI  
*Vũ Thị Mai Lương* 362
40. BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM  
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY  
*Trần Thị Tâm* 375
41. THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ Ở TỈNH LÂM  
ĐỒNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG QUỐC GIA  
*Nguyễn Thị Vân Anh* 386
42. THỨC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT  
TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY  
*Phạm Thanh Thủy* 398
43. BÀN VỀ THỰC TRẠNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH,  
SONG TÍNH TẠI NƠI LÀM VIỆC Ở KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH  
VĨNH PHÚC  
*Nguyễn Thị Mai Hương, Ngô Thái Hà* 408
44. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
*Bùi Thị Thùy Dương* 417
45. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CON NGƯỜI - GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC  
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH  
*Nguyễn Thị Huyền Chi, Thân Thị Giang* 428
46. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN THEO TƯ  
TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY  
*Nguyễn Thị Kim Dung* 436
47. QUYỀN CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VÀ PHÁP  
LUẬT VIỆT NAM  
*Đào Thị Tuyết* 445

48. XÂY DỰNG VĂN MINH TRONG CÔNG TÁC LÀM TỪ THIÊN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Nguyễn Thị Thu Trà* 453

**PHẦN IV: GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** 463

49. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Thân Thị Hạnh* 465

50. MINH TRIẾT TRONG TÁC PHẨM “SỨC KHỎE VÀ THỂ DỤC” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*Trần Thị Thu Hoài* 475

51. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ KẾT HỢP “ĐỨC TRỊ” VỚI “PHÁP TRỊ” - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

*Lê Thị Yến* 487

52. KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

*Trần Thị Phúc An* 495

53. MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN TRIỆT QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

*Đình Thanh Xuân* 507

54. PHÁT HUY VAI TRÒ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

*Đặng Thị Thanh Trâm* 515

55. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN - YẾU TỐ QUAN TRỌNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Phan Thị Hồng Duyên, Lê Thị Ngọc Thùy* 523

56. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

*Nguyễn Thị Xuân Quỳnh* 532

57. CHÍNH SÁCH KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

*Dương Quỳnh Trang* 541

58. NÂNG CAO Ý THỨC ĐẤU TRANH, PHÒNG, CHỐNG CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC HIỆN NAY

*Nguyễn Đức Khiê* 550

59. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

*Trần Thanh Hanh* 558

60. VẠCH TRẦN ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN CHỐNG PHÁ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*Đặng Thị Thanh Trâm* 569

61. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

*Đình Thanh Xuân, Trần Mai Ước, Lưu Đình Vinh* 578

62. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC LỰA CHỌN, SỬ DỤNG VÀ BỒI DƯỠNG NHÂN TÀI GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Mai Diệu Anh* 590

63. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHO VIỆT NAM

*Nguyễn Thị Thanh Thương, Hoàng Thu Trang* 600

64. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG NHÂN TÀI TRẺ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Đỗ Quang Huy* 609

65. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*Nguyễn Tuấn Vương* 619

66. RÈN LUYỆN NHÂN CÁCH NGƯỜI CÔNG AN NHÂN DÂN VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*Lã Thị Huyền Trang* 629

## QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN CHỨC NĂNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

*Ngô Văn Dương\**

**Tóm tắt:** Trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao, Quân đội tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, phát triển kinh tế bằng hình thức, biện pháp phù hợp. Bài viết tập trung làm rõ những nội dung: Chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về việc tham gia sản xuất, phát triển kinh tế của Quân đội qua các thời kỳ; thực trạng tham gia sản xuất, phát triển kinh tế của Quân đội trong thời gian qua; phương hướng nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất, phát triển kinh tế của Quân đội trong tình hình mới.

**Từ khóa:** An ninh; Kinh tế; Quân đội; Quốc phòng; Sản xuất.

### 1. MỞ ĐẦU

Tham gia sản xuất, phát triển kinh tế là một trong ba chức năng cơ bản, thể hiện sâu sắc bản chất, truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam đồng thời thể hiện quan điểm xuyên suốt của Đảng ta về thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tám mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu, cùng với thực hiện tốt chức năng “đội quân chiến đấu, đội quân công tác”, Quân đội ta luôn tích cực, chủ động thực hiện chức năng “đội quân lao động sản xuất” và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### 2. NỘI DUNG

**2.1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về việc tham gia sản xuất, phát triển kinh tế của quân đội qua các thời kỳ**

#### **2.1.1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước**

Quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là thực hiện một trong ba chức năng cơ bản của Quân đội được Đảng và Bác Hồ giao, đó là “Đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất”. Trong kháng chiến, Đảng ta đề ra chủ trương: Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Hội nghị cán bộ Trung ương năm 1947 xác định: “Bộ đội tham gia sản xuất, tích trữ lúa gạo, muối, ký ninh” và “chú trọng chế vũ

\* Trung tá, ThS. Trường Đại học Mô - Địa chất.

khí phá xe tăng, chặn ca nô và vũ khí thô sơ”. Hội nghị Trung ương 24, khóa III (9/1975) xác định: “Các lực lượng vũ trang, kể cả các đơn vị thường trực, phải tích cực tham gia sản xuất, góp phần xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH. Thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự đối với tất cả trai tráng và chế độ quân đội tham gia xây dựng kinh tế” [3, tr. 400].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976) xác định rõ: “Trong hoàn cảnh một nước nghèo lại vừa ra khỏi một cuộc chiến tranh ác liệt, kéo dài, thì các lực lượng vũ trang, ngoài nghĩa vụ luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, còn phải tích cực làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội” [4, tr. 587]. Tiếp đến Đại hội lần thứ V của Đảng khẳng định: “Tổ chức quân đội tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế một cách thích hợp và có hiệu quả” [5, tr. 56].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng với tư duy đổi mới mạnh mẽ đã xác định: “Trên cơ sở bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và sản xuất quốc phòng, huy động một phần lực lượng quân đội, sử dụng một phần năng lực công nghiệp quốc phòng vào việc xây dựng kinh tế” [6, tr. 372]. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII nêu rõ: “Sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động, lực lượng khoa học và cơ sở vật chất - kỹ thuật của quân đội để tham gia xây dựng kinh tế và củng cố hệ thống công nghiệp quốc phòng” [7, tr.112]. Nghị quyết Đại hội lần thứ XII cho rằng: “Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo” [8, tr.149].

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII xác định: “Xây dựng kế hoạch, lộ trình và triển khai cơ cấu, sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh kết hợp với bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh” [1, tr.209].

Trong văn bản pháp luật: Tại Khoản 4, Điều 11, Chương 1, Luật Quốc phòng năm 2005 xác định: “Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập kế hoạch về khả năng và nhu cầu kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng thời bình và thời chiến trình Chính phủ quyết định; tổ chức, xây dựng khu kinh tế - quốc phòng được Chính phủ giao; tổ chức, quản lý hoạt động của doanh nghiệp phục vụ quốc phòng và đơn vị quân đội được giao làm kinh tế kết hợp với quốc phòng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Quân đội theo quy định của pháp luật” [10, tr.15].

### ***2.1.2. Chủ trương của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng***

Từ ngày thành lập đến nay, lãnh đạo, chỉ huy các cấp, cán bộ chiến sĩ Quân đội luôn thấm nhuần và thực hiện tốt chức năng đội quân lao động sản xuất. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, các đơn vị Quân đội đã tích cực lao động sản xuất, bảo đảm “thực túc binh cường”. Đặc biệt, các cơ sở quân giới đã chủ động khắc phục mọi khó khăn, tích cực nghiên cứu, cải tiến, chế tạo hàng triệu tấn vũ khí, đạn dược, đáp ứng yêu cầu của chiến trường. Một sự kiện đánh dấu bước ngoặt của nhiệm vụ này là Nghị định số 30/NĐ ngày 23/8/1956 của Bộ Quốc phòng về việc thành lập Cục Nông binh để làm tham mưu giúp Bộ quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế. Ngày 23/8 được lấy làm Ngày truyền thống Bộ đội sản xuất, xây dựng kinh tế.

Trước yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ Quốc phòng đã bàn giao 29 nông trường và gần 4 vạn cán bộ, chiến sĩ, công nhân cho Bộ Nông nghiệp quản lý; đồng thời, chuyển hướng nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế vào trọng tâm xây dựng căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần tại chỗ trên chiến trường miền Nam. Nước nhà độc lập, thống nhất (năm 1975), nhiệm vụ chính trị của Quân đội ta là bảo vệ Tổ quốc và tham gia xây dựng đất nước. Bộ Quốc phòng đã điều chuyển một lực lượng lớn sang tham gia xây dựng kinh tế đất nước.

Trong thời kỳ đổi mới, quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa đường lối đổi mới của Đảng, Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương), Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật, chỉ thị lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của quân đội và yêu cầu quản lý nền kinh tế đất nước.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ X (2015) xác định: “Lãnh đạo, chỉ đạo các doanh nghiệp Quân đội sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật, đoàn kết, hiệu quả, an toàn, không để xảy ra tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm. Thực hiện tốt việc gắn kết quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, nhất là ở những địa bàn chiến lược trên biên giới, hải đảo”. Nghị quyết số 520-NQ/QUTW, ngày 25/9/2012 của Quân ủy Trung ương về “Lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng của Quân đội đến năm 2020” khẳng định: “Tiếp tục đổi mới tư duy về quân đội làm kinh tế, khẳng định sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng là một trong những chức năng, nhiệm vụ chiến lược, lâu dài của quân đội; phấn đấu là một nguồn lực quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

## **2.2. Thực trạng tham gia sản xuất, phát triển kinh tế của quân đội trong thời gian qua**

### **2.2.1. Những kết quả đạt được**

*Thứ nhất, Quân đội đã phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, tham gia xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo, vùng căn cứ cách mạng.*

Đến nay, quân đội đã xây dựng 28 Khu kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược, vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh thuộc địa bàn Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Nghệ An, Đông Bắc (24 khu KTQP trên đất liền, 4 khu ven biển và đảo)... Các Khu kinh tế - quốc phòng đã và đang phát huy hiệu quả to lớn về nhiều mặt, đi vào thực chất, sát với người dân hơn, phát huy tốt nguồn lực đội ngũ trí thức trẻ tình nguyện; thực sự là nhân tố quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh trên các địa bàn chiến lược của đất nước. Mô hình Khu kinh tế - quốc phòng đã được Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương và dư luận xã hội đánh giá cao.

*Thứ hai, Quân đội đã triển khai có hiệu quả Phong trào thi đua “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn nông thôn cả nước.*

Thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 28/5/2008 của BCHTW khóa X, Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, Phong trào thi đua “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới” bắt đầu triển khai từ năm 2012 với 5 nhóm nội dung đều được thực hiện tốt là: Tham gia xây dựng hạ tầng KT-XH, góp phần cải thiện, đổi mới bộ mặt nông thôn; tham gia chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động, giúp nhân dân chuyển giao kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo; nâng cao hiệu quả giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thực hiện công tác chính sách xã hội, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa mới; tham gia củng cố các tổ chức, góp phần xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh; tham gia đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng địa bàn an toàn. “Tính đến nay, cán bộ, chiến sĩ Quân đội đã: Lao động trên 6,5 triệu ngày công, đóng góp trên 3.000 tỷ đồng tham gia xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ kinh phí và công xây dựng, tu sửa công trình: 46.036 km đường nông thôn; 976 km đường điện; 127.118 km kênh mương nội đồng; 131 trường học; 100 công trình nước sạch; 860 cây cầu các loại; 10.678 nhà ở nông thôn. Hỗ trợ

chuyển giao, xây dựng mô hình sản xuất, tiêu thụ nông sản bền vững cho 663 hộ nông dân; giúp xóa đói, giảm nghèo cho 37.185 lượt hộ dân. Vận động trên 43.000 lượt trẻ em đến trường; xóa mù chữ trên 4.000 lượt người, phổ cập tiểu học cho trên 2.200 em...” [2, tr.8].

*Thứ ba, các doanh nghiệp Quân đội đã không ngừng đổi mới, phát triển, hội nhập, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh gắn với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng*

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp Quân đội đã chủ động vượt khó vươn lên, hoạt động theo đúng pháp luật Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng, sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm chất lượng cao phục vụ quốc phòng và xã hội, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho hàng vạn lao động, góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội.

Hiện nay, doanh nghiệp Quân đội đã đứng vững trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo; phần lớn các doanh nghiệp thuần túy về xây dựng, thương mại đang tiến hành cổ phần hóa, các doanh nghiệp quốc phòng được bố trí, sắp xếp lại theo hướng lưỡng dụng. Đặc biệt, có những doanh nghiệp đã xây dựng được thương hiệu mạnh, hoạt động ở một số lĩnh vực mà Quân đội có tiềm năng như viễn thông, dịch vụ cảng biển, đóng tàu, xây dựng, khai khoáng, ngân hàng... các doanh nghiệp này đã giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và là lực lượng dự bị mạnh cho quốc phòng (Tiêu biểu là các doanh nghiệp: Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn, Ngân hàng Thương mại CP Quân đội (MB), Tổng công ty Trục thẳng Việt Nam, Tổng Tổng công ty Đông Bắc, Tổng công ty xây dựng Trường Sơn...). Không chỉ chiếm lĩnh thị trường trong nước, một số doanh nghiệp Quân đội đã mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài, thu được những kết quả bước đầu, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông, trở thành đối tác kinh tế quốc tế có uy tín, góp phần tích cực vào công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, là cơ sở để bảo vệ Tổ quốc từ xa. “Năm 2018, Viettel là một trong 50 thương hiệu viễn thông giá trị nhất thế giới với mức định giá ~3,2 tỷ USD và tiếp tục là thương hiệu số 1 tại Việt Nam. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) là doanh nghiệp tiêu biểu đã được ghi nhận với 3 chỉ số quan trọng, là doanh nghiệp có chỉ số lợi nhuận tốt nhất, nộp thuế lớn nhất và có giá trị thương hiệu cao nhất Việt Nam” [11, tr.12].

*Thứ tư, các đơn vị lực lượng thường trực đã nêu cao tinh thần “Tự lực tự cường”, phát huy tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, trọng tâm là tổ chức trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt hải sản, chế biến, xay xát và làm một số dịch vụ theo quy định*

Bình quân hằng năm, toàn quân đã tăng gia sản xuất tự túc được trên 90% nhu cầu rau xanh; 60 - 65% nhu cầu thịt, cá; trong đó, nhiều đơn vị đã tự túc được 100% nhu cầu thực phẩm. Đã có nhiều mô hình vườn - ao - chuồng, khu tăng gia sản xuất,



chế biến tập trung rất hiệu quả, cung cấp nguồn thực phẩm sạch, tiêu biểu, góp phần nâng cao chất lượng bữa ăn cho bộ đội. Nhờ đó, đã tạo được nguồn thực phẩm tại chỗ vững chắc, giúp ổn định, cải thiện đời sống của cán bộ, chiến sĩ và tạo nguồn thu bổ sung cho hoạt động của đơn vị. Những kết quả quan trọng đạt được trên “mặt trận lao động sản xuất” những năm qua đã khẳng định chủ trương nhất quán và đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta trong việc tổ chức và phát huy vai trò Quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ trương đó cần được tiếp tục phát huy trong điều kiện mới.

### ***2.2.2. Những hạn chế, khuyết điểm***

Cơ chế quản lý, công tác quy hoạch và hiệu quả xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng còn có mặt hạn chế;

Năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của một số doanh nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có;

Tham gia xây dựng, phát triển kinh tế biển còn phân tán, nguồn thu từ kinh tế biển chưa thực sự trở thành nguồn lực mạnh trực tiếp hỗ trợ phát triển tiềm lực quốc phòng trên hướng biển;

Định hướng dài hạn cho hoạt động kinh tế đối ngoại chưa thật rõ nét, chưa xây dựng được chiến lược mặt hàng trong xuất khẩu; hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư còn hạn chế.

Nhận thức rõ những hạn chế trên, Bộ Quốc phòng đã có nhiều chủ trương, biện pháp khắc phục trong tổ chức quản lý doanh nghiệp, quản lý, sử dụng đất quốc phòng vào sản xuất, xây dựng kinh tế, tổ chức sơ tổng kết ở tất cả các cấp, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch; đồng thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo như: Thông tư 69/2017/TT-BQP ngày 3/4/2017 về Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 520, ngày 25/9/2012 của QUTW về lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng của Quân đội đến năm 2020; tổng kết xây dựng khu kinh tế quốc phòng, tổng kết hoạt động đầu tư ra nước ngoài... nhằm đánh giá ưu điểm, hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm, tiếp tục tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia sản xuất xây dựng kinh tế trong tình hình mới.

### **2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất, phát triển kinh tế của quân đội trong tình hình mới**

#### ***2.3.1. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về việc tham gia sản xuất, phát triển kinh tế của Quân đội***

Quân đội phải đồng thời thực hiện 3 chức năng. Trong đó, tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là một chức năng cơ bản, nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa chiến

lược lâu dài, thể hiện bản chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam. Quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là quán triệt, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, là sự tiếp nối, phát huy tư tưởng, truyền thống quý báu “Ngụ binh ư nông”, “tĩnh vi nông, động vi binh” của dân tộc trong thời kỳ mới.

Các đơn vị, doanh nghiệp Quân đội phải lấy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng - an ninh làm mục tiêu hàng đầu; kết hợp chặt chẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự trong thời bình, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thời chiến.

Kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái đòi tách rời giữa “kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội” hoặc phủ nhận các chức năng cơ bản của quân đội, trong đó có chức năng “Đội quân lao động sản xuất”, cổ súy cho việc xây dựng quân đội theo kiểu quân đội “nhà nghề” của các nước phương Tây...

### ***2.3.2. Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế - quốc phòng***

Đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài nhằm tăng cường thế trận quốc phòng, an ninh, nhất là “thế trận lòng dân” để xây dựng và bảo vệ biên giới gắn với đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao đời sống của nhân dân, xóa đói giảm nghèo bền vững.

Ưu tiên xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng trên hướng biển, đảo, xa bờ; tập trung nguồn lực xây dựng một số mô hình điểm.

Làm tốt công tác quy hoạch, phân kỳ đầu tư, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải.

Chú trọng thực hiện đồng bộ việc xây dựng cơ sở hạ tầng kết hợp với bố trí lại dân cư, phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa của từng dân tộc; đồng thời, tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện, nhất là giải quyết tốt vấn đề đất ở, đất sản xuất, phương thức xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân, giúp đồng bào ổn định cuộc sống bền vững, yên tâm định canh, định cư lâu dài trên địa bàn biên giới, vùng sâu, vùng xa.

### ***2.3.3. Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp Quân đội***

Rà soát, thoái vốn, cổ phần hoá; chấn chỉnh tổ chức, hoạt động của các doanh nghiệp Quân đội sản xuất, kinh doanh thua lỗ, kiên quyết cổ phần hóa, thoái vốn, thậm chí giải thể các doanh nghiệp kinh tế, thương mại thuần túy không hoặc ít có nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

Các doanh nghiệp Quân đội chủ động rà soát, xây dựng chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp với mô hình hoạt động, quan tâm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, giữ vững thương hiệu; đầu tư hợp lý vốn, công nghệ, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh nghiên cứu, cải tiến, đổi mới công nghệ gắn với bảo vệ môi trường; không đầu tư dàn trải, manh mún, nhỏ lẻ; không kinh doanh ngoài ngành và những ngành nghề dễ phát sinh tiêu cực, nhạy cảm.

Kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm tư tưởng sai trái, xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch xung quanh vấn đề Quân đội làm kinh tế, quản lý, sử dụng đất quốc phòng và việc sắp xếp cơ cấu lại doanh nghiệp quân đội.

#### ***2.3.4. Tổ chức và quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất, làm kinh tế của các đơn vị thường trực và đơn vị sự nghiệp công lập***

Các cơ sở, trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo, các bệnh viện quân đội... căn cứ vào điều kiện thực tế, nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ gắn với kỹ thuật, chuyên môn theo đúng phạm vi, quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ chính trị trung tâm, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm nguồn thu để giữ gìn và tăng cường năng lực hoạt động, qua đó góp phần cải thiện đời sống cán bộ, công nhân viên và đóng góp một phần ngân sách cho phát triển của ngành, đơn vị.

Không ngừng phát huy hiệu quả hoạt động của các trường dạy nghề trong Quân đội để vừa đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, vừa kết hợp tốt với nhiệm vụ quân sự địa phương, tạo việc làm cho bộ đội xuất ngũ và đối tượng chính sách.

Nghiên cứu, rà soát từng bước thực hiện chuyển một phần các đơn vị sự nghiệp công lập ít tác động đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh sang thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, bộ máy và tài chính; đẩy mạnh xã hội hóa một số mặt công tác có điều kiện phù hợp với cơ chế thị trường.

#### ***2.3.5. Tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến thương mại, đầu tư và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế***

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương và nhiệm vụ đối ngoại được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về “Hội nhập quốc tế”, trực tiếp là Nghị quyết số 806-NQ/QUTW ngày 31/12/2013 của Quân ủy Trung ương “Về hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo”.

Thông qua hợp tác, vừa phải tranh thủ được các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến, vừa phải nâng cao năng lực tự chủ để từng bước có thể tự bảo đảm vũ khí, khí tài ngày càng hiện đại cho Quân đội.

### ***2.3.6. Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng vào mục đích phát triển KT-XH kết hợp với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng***

Hiện nay, một số đơn vị đóng quân trên địa bàn đô thị còn thiếu đất để bố trí thao trường, bãi tập, các cơ sở hậu cần - kỹ thuật... phục vụ cho huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; trong khi đó, quỹ đất của địa phương lại hạn hẹp.

Vì vậy, trong quá trình rà soát, điều chỉnh, cần căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tế để đề xuất bổ sung quỹ đất vào mục đích quốc phòng phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài; đồng thời, chuyển một số diện tích đất đang sử dụng cho mục đích quốc phòng ở các vị trí thuận lợi, sang mục đích phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khu dân cư phù hợp. Đây là sự điều chỉnh khách quan, cần thiết nhằm sử dụng đất đai một cách hiệu quả, hợp lý. Tuy nhiên, khi chuyển đổi cần tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và làm tốt công tác tuyên truyền để cán bộ, chiến sĩ và nhân dân nhận thức đúng mục đích sử dụng, tránh những vướng mắc, hiểu nhầm.

## **3. KẾT LUẬN**

Quân đội tham gia sản xuất, phát triển kinh tế là chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài. Thông qua hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế, Quân đội đã góp phần tạo ra nguồn của cải vật chất đáng kể cho xã hội, tăng cường tiềm lực quốc gia; tạo điều kiện vật chất, kỹ thuật, công nghệ cho xây dựng lực lượng, thế trận, tiềm lực quốc phòng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước; để tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển kinh tế cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền; nâng cao hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng; quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế của các đơn vị thường trực; nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp quân đội; tăng cường hoạt động đối ngoại, xúc tiến đầu tư hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện tốt việc sử dụng đất quốc phòng vào hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương (2017), *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Bộ Quốc phòng, *Báo cáo tổng kết phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới” năm 2022*.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng*, Toàn tập, tập 36, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng*, Toàn tập, t.37, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng*, Toàn tập, t.43, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng*, Toàn tập, t.47, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng*, Toàn tập, t.51, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[9] Nguyễn Trọng Tuấn, Kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, *Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử*, 28/8/2021.

[10] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Quốc phòng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[11] Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel, *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2018*.